



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: \_\_\_\_\_  
LOI#: \_\_\_\_\_  
I-171#: Y NO  
EXIT VISA#: \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN TEN  
Last Middle First

Current Address: 159/46/9 Trần Văn Dạng Q3 TP HCM

Date of Birth: 12/3/1930 Place of Birth: Vũng Lũng

Previous Occupation (before 1975) Captain  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 7/25/75 To 8/25/80  
Years: 5 Months: \_\_\_\_\_ Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
Name  
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------------------------------------|---------------------|
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: \_\_\_\_\_

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : \_\_\_\_\_  
 (Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Former Political Prisoners of Communist Vietnam Association

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in reeducation camp in Vietnam so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

A. GENERAL BIOGRAPHY

1. Name : TON VAN LE
2. Sex : Male      Date of birth : Dec. 3rd, 1930  
Place of birth : Hieu Thuan    Vinh Long
3. Last position/Rank, Agency/Unit : Captain, Chief of the Security  
Office of the Third Recruitment Center

B. ARREST

1. Date and place of arrest: June 25th, 1975, Trung Vuong Highschool Saigon
2. Name, location of prisons or reeducation camps :
  - a) Trang Lon Camp (Tay Ninh province)
  - b) Long Khanh Camp (Long Khanh province)
  - c) Hoc Mon Camp (Gia Dinh province)
  - d) Ham Tan Camp    Z30.D (Thuan Hai province)
3. Date of release: Aug. 25th, 1980 and be under surveillance 12 months.

C. FAMILY STATUS :

1. Married
2. Name of spouse : LIENG THI NGUYEN  
Names of children : THANH THI LE  
YEN THI LE  
LIEN HONG LE  
DAO ANH LE  
KHOI MINH LE

D. APPLICANT :

1. Name . . . . . Occupation . . . . .
2. Address and phone number: . . . . .
3. Relationship with the detainee . . . . .
4. Status in USA:      Permanent resident      US citizen
5. Are you willing to sponsor the above detainee      Yes      No

Date.

Signature of applicant

Ban Chỉ huy  
Cục QL T6  
Trại Thủ Đức  
số 563

332916.

Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập Tự Do Hạnh Phúc

## GIẤY RA TRAI

Căn cứ chỉ thị số 316/Ttg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đang phải phải đóng hoặc đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc Phòng - Nội Vụ số ngày về việc thực hiện chỉ thị số 316/Ttg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ. Thực hành quyết định số 100 ngày 01/8/1980 của Bộ Tổng Nội Vụ.

## CẤP GIẤY RA TRAI

Họ và tên: Lê Văn Tôn

ngày tháng, năm sinh: 1930

Quê quán:

Vĩnh Long

Mã quan: 153/46/g Hoàng Đạo, P.3, Q.3, TP Hồ Chí Minh

Số lính, cấp bậc, chức vụ hàng bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phân đảng của chế độ cũ.

Đại úy tư lệnh Trưởng ban thủ tục tuyển mộ

Khi về phải tiếp tiếp tình nguyện hay với Ủy Ban nhân dân và Công an xã, Phường, Quận, Huyện, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh, Thành Phố về việc quân chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

Thời hạn quản chế: 12 tháng (Mười hai tháng)

- Thời hạn đi đường: 02 ngày (Kể từ ngày ký giấy ra trai)

- Tiền và lương thức đi đường cấp: Từ hai về đến gia đình (Không được cư trú ở Thành Phố, đi vùng kinh tế mới)

Lưu tay gốc tờ phải  
của: Lê Văn Tôn

Ngày 25 tháng 8 năm 1980

Thước kẻ: Đoàn Mạnh Kỳ

Người đưa cấp

quyển Ký

Lê Văn Tôn Ký

Đã 57

Chứng nhận chính y lệnh chính  
Xuất trình tại 41840 09.10.83

Ngày 12/10/83 năm 1983

TAM ULL HƯỚNG 21

THU-KY



điagen jh h?

TỔNG THAM-MUU TRƯỞNG  
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ  
BỘ QUỐC-PHÒNG  
BỘ TỔNG THAM MUU  
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

Số 126 / TTM/NĐ

Chiều . . . . .

N G H Ị \_ Đ Ị N H

ĐIỀU 1.- Những sĩ-quan cấp Trung-ủy thực-thụ CLQ và ĐPQ có tên sau đây đã được ghi danh vào bản thăng thưởng thường niên 1974 được mang cấp Đại-ủy NHIỆM CHỨC kể từ ngày 01.01.1974.

MANG CẤP ĐẠI UỶ NHIỆM CHỨC TUYỂN LỰA

662 TRUY TB LÊ VAN TON SQ 50/II9.606 TT3TMNN

ĐIỀU 2.- Tham Muu Trưởng Bộ Tổng Tham Muu chiếu nhiệm vụ thi hành nghị định này.

KBC 4002, ngày 05 tháng 03 năm 1974

Đại-Tướng CAO VAN VIEN  
Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH  
(ấn ký)

TRÍCH SAO Y BẢN CHÁNH, số 1239/TT3TMNN/K.HOTI/PHC  
KBC 4113, ngày 10 tháng 03 năm 1974  
Trung-Tá NGUYỄN-ĐÌNH-CAN  
CHỈ-HUY Trưởng Trung-Tâm 3 TMNN  
Thiếu-Tá Chỉ-Huy Phó  
(ký tên)

TRÍCH SAO Y  
CHÁNH SỰ-VỤ SỞ KINH-TẾ TÀI-CHÁNH,

*Nguyen*



# CONTROL

☐ Card  
☒ Doc. Request; Form  
☐ Release Order  
☐ Computer  
☐ Form "D"  
☐ ODP/Date \_\_\_\_\_  
☐ Membership; Letter

15/12/89

# PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1<sup>ère</sup> INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH LỤC BỘ HÔN THỦ NĂM 1965 (BỨC nhứt)

(Extrait du registre des actes de mariage de l'année) (degré)

LÀNG Phú xuân HỘ1 TỈNH Gia Định (NAM-PHẦN)

(du village de) (Province de) (Sud-VietNam)

NĂM 1955 SỐ HIỆU 85

(Année) (Acte N°)

|                                                                                                                              |                       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| Tên, họ người chồng . . . . .<br>Nom et prénom de l'époux . . . . .                                                          | Lê văn Tôn            |
| Sanh tại chỗ nào . . . . .<br>Lieu de sa naissance . . . . .                                                                 | Hiếu Thuận Vĩnh Long  |
| Sanh ngày nào . . . . .<br>Date de sa naissance . . . . .                                                                    | 3-12-1930             |
| Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói)<br>Nom et prénom du père de l'époux (indiquer s'il<br>est vivant ou décédé) . . . . . | Lê văn Đạt (sống)     |
| Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói)<br>Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est<br>vivante ou décédée) . . . . .     | Nguyễn thị Dân (sống) |
| Tên, họ người vợ . . . . .<br>Nom et prénom de l'épouse . . . . .                                                            | Nguyễn thị Liêng      |
| Vợ chánh hay là vợ thứ . . . . .<br>Son rang de femme mariée . . . . .                                                       | vợ chánh              |
| Sanh tại chỗ nào . . . . .<br>Lieu de naissance . . . . .                                                                    | Bình phong Thạnh Tân  |
| Sanh ngày nào . . . . .<br>Date de sa naissance . . . . .                                                                    | 2-7-1932              |
| Tên, họ cha vợ (chết sống phải nói).<br>Nom et prénom du père de l'épouse (indiquer s'il<br>est vivant ou décédé) . . . . .  | Nguyễn văn Nghi       |
| Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói).<br>Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est<br>vivante ou décédée) . . . . .       | Nguyễn thị Phòng      |
| Ngày kết-hôn . . . . .<br>Date de mariage . . . . .                                                                          | 15-12-1955            |

Nhà in Nguyễn-Huân, 72/4, Nguyễn-Chí, Saigon

Chúng tôi — TRAN MINH BAN —  
Nous

được Chánh-án Tòa Saigon u. n.  
Président du Tribunal

chứng cho hợp-pháp chữ ký của  
Certifions l'authenticité de la signature de

ÔNG CO-VU-THI-NGOC  
M.

Chánh-Lục-sự Tòa-Án Sở tại.  
Greffier en chef du Tribunal

Saigon, ngày 23-11-1965

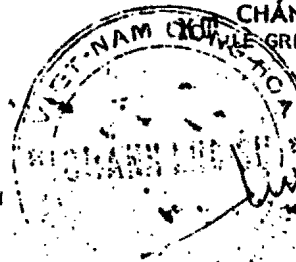
T.U.N. CHÁNH-ÁN

LE PRÉSIDENT,

THẨM-PHÁN

Trích y bản chánh,  
(Pour extrait conforme),

Saigon, ngày 23-11-1965



CHÁNH-LỤC-SỰ,  
LE GREFFIER EN CHEF

Giá tiền : 7 \$ 00

Có:

Biên-lai số 26669

Quittance n°

# THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

|                                  |                                     |
|----------------------------------|-------------------------------------|
| ng nhận đã chuyển đến ở : .....  | Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....  |
| ngày ..... tháng ..... năm ..... | Từ ngày ..... tháng ..... năm ..... |
| Ký tên, đóng dấu                 | Ký tên, đóng dấu                    |

|                                  |                                     |
|----------------------------------|-------------------------------------|
| ng nhận đã chuyển đến ở : .....  | Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....  |
| ngày ..... tháng ..... năm ..... | Từ ngày ..... tháng ..... năm ..... |
| Ký tên, đóng dấu                 | Ký tên, đóng dấu                    |

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

|  |  |
|--|--|
|  |  |
|  |  |
|  |  |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: ...332916... CN

Họ và tên chủ hộ : *Nguyễn Văn Liêng*

Ấp, ngõ, số nhà : ...159 / 46 / 9...

Thị trấn, đường phố : ...*Thống Nhất*...

Xã, phường : ...*Thống Nhất*...

Huyện, quận : ...*Thống Nhất*...

Ngày *10* tháng *05* năm *1982*

Trưởng công an : .....

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



*[Handwritten signature]*

Số NK 3 : .....

NGUYỄN VĂN LIÊNG



## NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

VIỆT-NAM CỘNG HÒA  
ĐÔ-THÀNH SAIGON

# TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: BA

Lập ngày 2 tháng 5 năm 19 80

PHƯỜNG /

Số hiệu: 5127

|                                           |                                                           |
|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| Tên họ đứa trẻ. . . .                     | Lê thị Thanh                                              |
| Con trai hay con gái. .                   | Nữ                                                        |
| Ngày sanh. . . . .                        | Hai mươi tám tháng tư năm một ngàn<br>chín trăm sáu mươi, |
| Nơi sanh. . . . .                         | Saigon, 415 Lê văn Duyệt                                  |
| Tên họ người cha. . .                     | Lê văn Tôn                                                |
| Tên họ người mẹ. . .                      | Nguyễn thị Liêng                                          |
| Vợ chánh hay không<br>có hôn-thú. . . . . | Vợ chánh                                                  |
| Tên họ người<br>đứng khai. . . . .        | Đào huy Chân                                              |

TRÍCH LỤC Y BẢN-CHÁNH

HC/6

Saigon, ngày 8 tháng 5 năm 19 80

Viên-Chức Hộ-Tịch,

TL/

*[Signature]*

VIỆT-NAM CỘNG HÒA  
ĐÔ-THÀNH SAIGON

# TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: BA

Lập ngày 5 tháng 8 năm 19 63

PHƯỜNG /

Số hiệu: 5912

|                                            |                                                                   |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Tên họ đứa trẻ. . . .                      | Lê thị Yến                                                        |
| Con trai hay con gái. .                    | Nữ                                                                |
| Ngày sanh. . . . .                         | Ba mươi tháng bảy năm một ngàn chín<br>trăm sáu mươi ba, 4 giờ 15 |
| Nơi sanh . . . . .                         | Saigon, 443 Lê văn Duyệt                                          |
| Tên họ người cha . .                       | Lê Văn Tôn                                                        |
| Tên họ người mẹ. . .                       | Nguyễn thị Liêng                                                  |
| Vợ chánh hay không<br>có hôn-thú . . . . . | Vợ chánh                                                          |
| Tên họ người<br>đứng khai. . . . .         | Phạm thị Trinh                                                    |



TRÍCH LỤC Y BẢN-CHÁNH HG/6  
Saigon, ngày 8 tháng 3 năm 19 74  
TL/ Viên-Chức Hộ-Tịch,

*[Signature]*  
Tham Sự Hộ-Chức

VIỆT-NAM CỘNG HÒA  
ĐÔ-THÀNH SAIGON

# TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: ĐA

Lập ngày 2 tháng 1 năm 19 68

PHƯỜNG /

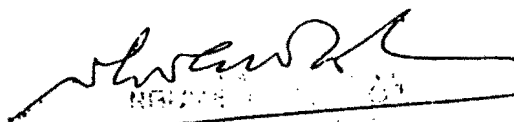
Số hiệu: 47

|                                           |                                                                  |
|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| Tên họ đứa trẻ. . . .                     | Lê Minh Khôi                                                     |
| Con trai hay con gái. .                   | Nam                                                              |
| Ngày sanh. . . . .                        | Một tháng giêng năm một ngàn chín<br>trăm sáu mươi tám, 0 giờ 30 |
| Nơi sanh. . . . .                         | Saigon, 465C Lê Văn Duyệt                                        |
| Tên họ người cha . .                      | Lê Văn Tôn                                                       |
| Tên họ người mẹ. . .                      | Nguyễn Thị Liêng                                                 |
| Vợ chánh hay không<br>có hôn-thú. . . . . | Vợ chánh                                                         |
| Tên họ người<br>đứng khai. . . . .        | Hoàng Thị Thành                                                  |

TRÍCH LỤC Y BẢN-CHÁNH 116/6

Saigon, ngày 8 tháng 2 năm 19 74

TL/ Viên-Chức Hộ-Tịch,

  
NGUYỄN THỊ LIÊNG

SỐ 5738

## TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi bốn (1964)

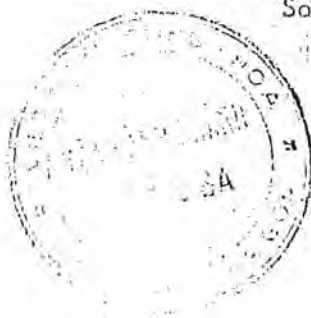
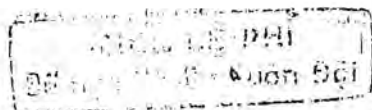
|                            |                                                                 |
|----------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Tên, họ đứa nhỏ. . . . .   | LÊ HỒNG LIÊN                                                    |
| Phái. . . . .              | NAM                                                             |
| Ngày sanh. . . . .         | Hai mươi bảy tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn, giờ |
| Nơi sanh. . . . .          | Saigon, 443 Lê Văn Duyệt                                        |
| Tên, họ người Cha. . . . . | LÊ VĂN TÂN                                                      |
| Nghề-nghiệp. . . . .       | Thợ thợ                                                         |
| Nơi cư-ngụ. . . . .        | Saigon, 159/40/2 Nguyễn Thông                                   |
| Tên, họ người mẹ. . . . .  | Nguyễn thị Liêng                                                |
| Nghề-nghiệp. . . . .       | Y tá                                                            |
| Nơi cư-ngụ. . . . .        | Saigon, 159/40/2 Nguyễn Thông                                   |
| Vợ chánh hay thứ. . . . .  | Vợ chánh                                                        |

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH : H/

Saigon, ngày 17 tháng 2 năm 1964.

T.U.N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON

TL. QUAN THƯƠNG QUAN ĐÀ



QUYỀN LỰC HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận ba

Số hiệu: I704

\*

## HỘ - TỊCH

## TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu

|                       |                                                               |
|-----------------------|---------------------------------------------------------------|
| Tên, họ đứa nhỏ . . . | Lê anh Đào                                                    |
| Phái. . . . .         | nữ                                                            |
| Ngày sanh . . . . .   | Hai mươi mốt tháng hai năm<br>một ngàn chín trăm sáu mươi sáu |
| Nơi sanh . . . . .    | Saigon 443 Lê văn Duyệt                                       |
| Tên, họ người Cha . . | Lê văn Tôn                                                    |
| Tuổi. . . . .         | Ba mươi sáu                                                   |
| Nghề-nghiep. . . . .  | quân nhân                                                     |
| Nơi cư-ngụ . . . . .  | Saigon 159/46/9 Nguyễn Thông                                  |
| Tên, họ người Mẹ. . . | Nguyễn thị Liêng                                              |
| Tuổi. . . . .         | Ba mươi bốn                                                   |
| Nghề-nghiep. . . . .  | y tá                                                          |
| Nơi cư-ngụ . . . . .  | Saigon 159/46/9 Nguyễn Thông                                  |
| Vợ chánh hay thứ. . . | vợ chánh                                                      |

Lâm tại Saigon, ngày 24 tháng 2 năm 1966

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH: T/6

Saigon, ngày 23 tháng 5 năm 1966

II. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN BA

LÂM-NÀNH

BỘ TƯ-PHÁP  
Département de la Justice

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ HGRQ LONG AN

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN  
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

(GREFFE DU TRIBUNAL DE \_\_\_\_\_)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Bình phong thanh (TANAN)  
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)  
(Sud-Vietnam)

NĂM 1932  
(Année)

SỐ HIỆU 140  
(Acte N°)

|                                                    |                   |
|----------------------------------------------------|-------------------|
| Tên, họ đứa con nít<br>(Nom et prénom de l'enfant) | Ng. THỊ LIENG     |
| Nam, nữ<br>(Sexe de l'enfant)                      | Nữ                |
| Sanh ngày nào<br>(Date de naissance)               | Le 2 Juillet 1932 |
| Sanh tại chỗ nào<br>(Lieu de naissance)            | Bình phong thanh  |
| Tên họ cha<br>(Nom et prénom du père)              | Ng. văn Nghi      |
| Cha làm nghề gì<br>(Sa profession)                 | Làm việc          |
| Nhà cửa ở đâu<br>(Son domicile)                    | Bình phong thanh  |
| Tên, họ mẹ<br>(Nom et prénom de la mère)           | Ng. thị Phồng     |
| Mẹ làm nghề gì<br>(Sa profession)                  | Làm ruộng         |
| Nhà cửa ở đâu<br>(Son domicile)                    | Bình phong thanh  |
| Vợ chánh hay vợ thứ<br>(Son rang de femme mariée)  | Vợ chánh          |

Chúng tôi, LE VĂN TUÂN  
(Nous)

Chánh-án Toà HGRQ LONG AN  
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của  
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông UNG VĂN THANH  
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.  
(Greffier en chef dudit tribunal).

Long An, ngày 28-1- 1966

CHANH-ÁN,  
(LE PRÉSIDENT).

Trích y bốn chánh,  
(Pour extrait conforme),

Long An, ngày 28-1- 1966

CHANH LỤC-SỰ,  
(LE GREFFIER EN CHEF),



Giá tiền 5\$00

(Coi)

Biên-lai số: 5496

(Quittance N°)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Hiển-Thưần (Vĩnh-Long)  
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)  
(Sud-Vietnam)

NĂM 1930  
(Année)

SỐ HIỆU 38  
(Acte N°)

|                                                    |                                          |
|----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Tên, họ đứa con nít<br>(Nom et prénom de l'enfant) |                                          |
| Nam, nữ<br>(Sexe de l'enfant)                      | Mention<br>-----                         |
| Sanh ngày nào<br>(Date de naissance)               | Par jugement en date du 27 Juin 1939     |
| Sanh tại chỗ nào<br>(Lieu de naissance)            | le Tribunal de Vinhlong a déclaré que    |
| Tên họ cha<br>(Nom et prénom du père)              | Lê-văn-Tôn fils de Lê-văn-Dat et de      |
| Cha làm nghề gì<br>(Sa profession)                 | Nguyễn-thị-Dần est né au village de      |
| Nhà cửa ở đâu<br>(Son domicile)                    | Hiển-Thưần - Vĩnh-Long le Trois Décembre |
| Tên, họ mẹ<br>(Nom et prénom de la mère)           | 1930.                                    |
| Mẹ làm nghề gì<br>(Sa profession)                  | Pour mention                             |
| Nhà cửa ở đâu<br>(Son domicile)                    | Vinh-Long, le 19-5-1951                  |
| Vợ chánh hay vợ thứ<br>(Son rang de femme mariée)  | La Greffier en Chef                      |
|                                                    | (Signé illisible et cachet)              |
|                                                    | Reforme à acte de naissance du 27 du     |
|                                                    | Aout 1939 du village de Hiển-Thưần.      |

Chúng tôi, Dặng-vĩ-Pàm  
(Nous)

Chánh-án Toà Vĩnh-Bình  
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của  
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Phạm-vĩ-Thưong  
(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.  
(Greffier en chef dudit tribunal).

Vĩnh-Bình, ngày 12-11-1965

CHÁNH-ÁN,  
(LE PRÉSIDENT),

Giá tiền: 5000

(Coût)

Biên-lai số: 2312/56

(Quittance N°)

Trích y bản chánh,  
(Pour extrait conforme),

Vĩnh-Bình, ngày 12-11-1965

CHÁNH LỤC-SỰ,  
(LE GREFFIER EN CHEF),

*Phạm-vĩ-Thưong*





BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Hiển-Thận (Vĩnh-Long)  
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)  
(Sud-Vietnam)

NĂM 1930  
(Année)

SỐ HIỆU 38  
(Acte N°)

|                                                    |                                         |
|----------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| Tên, họ đứa con nít<br>(Nom et prénom de l'enfant) |                                         |
| Nam, nữ<br>(Sexe de l'enfant)                      | Mention                                 |
| Sanh ngày nào<br>(Date de naissance)               | Par jugement en date du 27 Juin 1939    |
| Sanh tại chỗ nào<br>(Lieu de naissance)            | le Tribunal de Vinhlong a déclaré que   |
| Tên họ cha<br>(Nom et prénom du père)              | La-văn-Tôn fils de La-văn-Dat et de     |
| Cha làm nghề gì<br>(Sa profession)                 | Nguyễn-Thị-Dân est né au village de     |
| Nhà cửa ở đâu<br>(Son domicile)                    | Hiển-Thận - Vĩnh-Long le Trois Décembre |
| Tên, họ mẹ<br>(Nom et prénom de la mère)           | 1930.                                   |
| Mẹ làm nghề gì<br>(Sa profession)                  | Pour mention                            |
| Nhà cửa ở đâu<br>(Son domicile)                    | Vinh-Long, le 19-5-1931                 |
| Vợ chánh hay vợ thứ<br>(Son rang de femme mariée)  | La Greffier en Chef                     |
|                                                    | (Signé illisible et cachet)             |
|                                                    | Reforme à acte de naissance du 27 du    |
|                                                    | Aout 1939 du village de Hiên-Thận.      |

Chúng tôi, Lặng-vĩ-Pàm  
(Nous)

Chánh-án Toà Vĩnh-Bình  
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của  
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Phạm-vũ-Thương  
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.  
(Greffier en chef dudit tribunal).

Vĩnh-Bình, ngày 12-11-1965

CHÁNH-ÁN,  
(LE PRÉSIDENT).

Trích y bản chánh.  
(Pour extrait conforme).

Vĩnh-Bình, ngày 12-11-1965

CHÁNH LỤC-SỰ,  
(LE GREFFIER EN CHEF).

Giá tiền : 5400  
(Coût)

Biên-lai số : 2312/56  
(Quittance N°)





Lê Văn Côn  
03-12-1930



Nguyễn Thị Liêng  
02-07-1932



Lê Thị Thanh  
28.04.1960



Lê Thị Yến  
30-07-1963



Lê Hồng Liên  
27-07-1964



Lê Anh Đào  
21.02.1966



Lê Minh Hải  
1-1-1968

CONTROL

☐ Card  
☒ Doc. Request; Form  
☐ Release Order  
☐ Computer  
☐ Form "D"  
☐ ODP/Date  
☐ Membership; Letter

08/19/89

Ban Muin Keng